TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 13-9-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung.

Ông Nguyễn Xuân Tươi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Trương Thị Hồng N, sinh năm 1981; vắng mặt.
Cư trú tại: khu phố L, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- *Bị đơn*: anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố P, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Trương Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Trảng Bàng (nay là phường A, thị xã Trảng Bàng). Sau khi cưới, vợ chồng chị sống chung với gia đình anh H tại khu phố P, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021 do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hiểu và thông cảm cho nhau

nên thường xuyên gây gỗ nhau; cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 5-2021 đến nay. Khi ly thân, chị đã dọn về nhà riêng của chị sinh sống tại khu phố L, phường G. Từ khi ly thân, vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái Y, sinh ngày 03-8-2017 hiện đang sống chung với chị. Cháu Y rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tại Đơn khởi kiện ngày 24-02-2022, chị có yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh H gồm 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu đỏ biển kiểm soát số 70A-170.81. Nay chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Thái H đến Toà án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh H đều vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần nhiều lần nhưng vắng mặt đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Hồng N đối với ông Nguyễn Thái H. Chị N được ly hôn anh H.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thái Y, sinh ngày 03-8-2017 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N. Ghi nhận chị N, anh H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Trương Thị Hồng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thái H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh H chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn và đã tự ly thân từ tháng 5-2021, nguyên nhân theo chị N trình bày là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên gây gỗ nhau, không còn quan tâm đến nhau và không ai có thiện chí hàn gắn. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt, cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn cùng chị N. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống giữa vợ chồng chị N, anh H thường xuyên gây gỗ nhau và hiện không còn chung sống với nhau. Như vậy, cho thấy đời sống hôn nhân của chị N, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa vợ chồng đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H, cho chị N được ly hôn anh H là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị N, anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái Y, sinh ngày 03-8-2017. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y. Xét thấy, từ khi vợ chồng chị N, anh H ly thân thì cháu Y theo sống cùng chị N, cháu phát triển rất tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu Y hiện tại vẫn còn nhỏ, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu Y cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của

Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: tại Đơn khởi kiện ngày 24-02-2022, chị N có yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh H gồm 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu đỏ biển kiểm soát số 70A-170.81. Tuy nhiên, đến ngày 02-7-2022, chị N đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N.

[5] Về nợ chung: chị N trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Hồng N đối với anh Nguyễn Thái H.

Chị Trương Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thái Y, sinh ngày 03-8-2017 cho chị Trương Thị Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N. Ghi nhận chị N, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: chị N trình bày không có nợ chung.

5. Án phí: chị Trương Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026551 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

6. Chị N, anh H có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ